

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/TT-BYT  
(Dự thảo 2)

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng và tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế**

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số /BYT-CCVC ngày //2021;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng và tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
2. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức, cách xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
3. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành y tế dự các kỳ thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

**Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế**

Viên chức chuyên ngành y tế được đăng ký tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc dự xét thăng hạng (trừ thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hạng III) .

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

3. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

4. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng. Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

5. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

6. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp quy định tại Điều 3 Thông tư này.

### **Điều 3. Quy định về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế**

1. Viên chức thăng hạng từ chức danh bác sĩ chính, bác sĩ y học dự phòng chính, y tế công cộng chính, dược sĩ chính (hạng II) lên chức danh bác sĩ cao cấp, bác sĩ y học dự phòng cao cấp, y tế công cộng cao cấp, dược sĩ cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm, trong đó có 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ chính, bác sĩ y học dự phòng chính, y tế công cộng chính, dược sĩ chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2. Viên chức thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú; trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tối thiểu là 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

3. Viên chức chuyên ngành y tế tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hạng III lên chức danh nghề nghiệp hạng II tương ứng phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 9 năm, trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét tối thiểu là 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng của các chức danh nghề nghiệp:

- a) Từ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II);
- b) Từ chức danh dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II);
- c) Từ chức danh y tế công cộng (hạng III) lên y tế công cộng chính (hạng II);
- d) Từ chức danh điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II;
- e) Từ chức danh kỹ thuật y hạng III lên kỹ thuật y hạng II;
- g) Từ chức danh hộ sinh hạng III lên hộ sinh hạng II;
- h) Từ chức danh dinh dưỡng hạng III lên dinh dưỡng hạng II;
- j) Từ chức danh dân số viên hạng III lên dân số viên hạng II;

4. Viên chức chuyên ngành y tế thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hạng IV lên hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế hạng IV tối thiểu là 02 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng trở lên hoặc 03 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I**

1. Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư có chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.
2. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 2 và Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II**

1. Được cấp bằng chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.
2. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 2 và Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Thông tư này.

**Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng IV lên hạng III**

1. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế hạng III.

2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 2 và Khoản 4, Điều 3 Thông tư này.

**Điều 7. Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế**

1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của chức danh xét thăng hạng. Viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng.

3. Nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế:

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế xem xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

4. Hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế:

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

**Điều 8. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế**

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng thẩm định đạt đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

2. Trường hợp số lượng người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhiều hơn số lượng bảo đảm cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp y tế công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xem xét theo các thứ tự ưu tiên sau:

a) Thành tích nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn đơn vị công tác;

b) Số năm giữ hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ;

c) Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức 02 năm liền kề năm tổ chức xét thăng hạng.

### **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế theo Quy chế và Nội quy kỳ thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Bãi bỏ hoàn toàn các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

b) Thông tư số 29/2017/TT-BYT ngày 10/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

3. Sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Điểm e khoản 3 Điều 4; Điểm g khoản 3 Điều 5; Điểm g khoản 3 Điều 7; Điểm i khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

b) Điểm i khoản 3 Điều 4; Điểm i khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

c) Điểm g khoản 3 Điều 4; Điểm e khoản 3 Điều 5; Điểm e khoản 3 Điều 7; Điểm đ, khoản 3 Điều 8; Điểm g khoản 3 Điều 10; Điểm d khoản 3 Điều 11 Thông tư liên tịch số 26/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ

Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

d) Điểm g khoản 3 Điều 4; Điểm đ khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

e) Điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

g) Điểm h khoản 3 Điều 4; Điểm g khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế để hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, TTr, VP Bộ Y tế;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thanh Long**